

BÀN VỀ CHÍNH SÁCH TRUNG LẬP CỦA PHẦN LAN TRONG THỜI KỲ CHIẾN TRANH LẠNH*

Lê Ngọc Mai** - Đỗ Thanh Hải***

Tóm tắt

Phần Lan là trường hợp điển hình về một quốc gia nhỏ ứng phó hiệu quả với thách thức an ninh thường trực từ Liên Xô, một cường quốc láng giềng có ưu thế áp đảo về quân sự và kinh tế trong thời kỳ chiến tranh Lạnh. Mô hình chính sách của Phần Lan (Finlandization) thường bị các nước phương Tây xem là biểu tượng của “sự nhượng bộ” và “hèn nhát” khi một nước nhỏ buộc phải chấp nhận một số điều kiện đặt ra bởi nước lớn để tránh chiến tranh. Tuy nhiên, chính sách trung lập mà Phần Lan theo đuổi thực chất là lựa chọn có tính thực dụng của nước này chủ động hạn chế thiên hướng thân phương Tây để bảo đảm quan hệ ổn định với Liên Xô trong một cục diện quốc tế phân cực. Bài nghiên cứu phân tích bối cảnh hình thành, nội hàm và triển khai chính sách này, từ đó rút ra bài học cho các quốc gia nhỏ trong việc xác lập không gian sinh tồn trước sức ép từ cường quốc láng giềng và trong bối cảnh đối đầu, cạnh tranh gay gắt giữa các cường quốc.

Từ khóa: Phần Lan, Liên Xô, chiến tranh Lạnh, Phần Lan hóa, trung lập.

* Bài viết là kết quả nghiên cứu của đề tài cấp Bộ: “Đối phó với nguy cơ đe dọa an ninh từ bên ngoài: Kinh nghiệm quốc tế và kiến nghị định hướng chính sách của Việt Nam”.

** Nghiên cứu viên Viện Biển Đông, Học viện Ngoại giao.

*** TS., Phó Viện trưởng Viện Biển Đông, Học viện Ngoại giao.

Mở đầu

Trong chiến tranh Lạnh, Phần Lan được biết đến như một trường hợp điển hình về một quốc gia nhỏ áp dụng chính sách đối ngoại thận trọng nhằm duy trì độc lập trước áp lực từ cường quốc láng giềng là Liên Xô. Chính sách này bị các nước phương Tây phê phán, gán cho khái niệm “Phần Lan hóa” (Finlandization) với hàm ý tiêu cực như “nhượng bộ” và “hèn nhát”, phản ánh quan điểm cho rằng Phần Lan bị Liên Xô chi phối cả về đối nội và đối ngoại.¹

Cho dù được công nhận rộng rãi, cách nhìn nhận đó không phản ánh đúng tư duy, tính toán chiến lược của giới tinh hoa chính trị Phần Lan và bản chất mối quan hệ giữa Phần Lan và Liên Xô. Trên thực tế, chính sách của Phần Lan có phần “thiên vị” Liên Xô và đây là sự lựa chọn thực dụng của các nhà lãnh đạo Phần Lan tìm cách thích ứng với môi trường an ninh đặc thù và trên cơ sở kinh nghiệm lịch sử cụ thể của nước này. Trước áp lực rất lớn từ cường quốc láng giềng trong một giai đoạn lịch sử đầy biến động, không có chỗ dựa an ninh vững chắc, Phần Lan buộc phải tự mình thử nghiệm một lối đi riêng.

Trong bối cảnh gia tăng cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn hiện nay, việc nghiên cứu chính sách của Phần Lan trong thời kỳ chiến tranh Lạnh giúp giải mã một mô hình ứng xử đáng tham khảo về việc nước nhỏ có thể chung sống hòa bình bên cạnh một cường quốc nhiều tham vọng. Mục tiêu chính của nghiên cứu này là phân tích chính sách trung lập thực dụng của Phần Lan, làm rõ cách thức quốc gia Bắc Âu này duy trì được hòa bình, đảm bảo ổn định chính trị và phát triển kinh tế trong suốt thời kỳ chiến tranh Lạnh. Qua đó, bài viết rút ra các bài học kinh nghiệm có giá trị tham khảo đối với Việt Nam. Bài nghiên cứu được

¹ “Finland and Finlandization,” *History Today*, 3/1982, <https://www.historytoday.com/archive/finland-and-finlandization>.

cấu trúc với ba phần chính: (i) Cơ sở hình thành chính sách “trung lập thực dụng”; (ii) Nội hàm và triển khai chính sách “trung lập thực dụng”; và (iii) Đánh giá chính sách và rút ra các bài học liên quan.

Cơ sở hình thành chính sách trung lập của Phần Lan

Phần Lan là một quốc gia Bắc Âu có vị trí địa lý đặc biệt, nằm giữa phương Tây dân chủ và Liên Xô trong thời kỳ chiến tranh Lạnh. Trước Chiến tranh thế giới thứ hai, Phần Lan phải cắt một phần lãnh thổ phía Đông cho Liên Xô sau ba cuộc chiến tranh bao gồm Chiến tranh Mùa Đông (1939-1940), Chiến tranh Tiếp diễn (1941-1944) và Chiến tranh Lapland (1944-1945). Với đường biên giới dài hơn 1.300 km với Liên Xô và là vùng đệm chiến lược giữa hai khối Đông - Tây, Phần Lan luôn đối mặt với lo ngại bị xâm chiếm một lần nữa.² Phía Tây Phần Lan là các quốc gia Bắc Âu có chính sách khác biệt, như Na Uy gia nhập Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO) còn Thụy Điển giữ chính sách trung lập nhưng ở vị trí địa lý thuận lợi hơn. Trong bối cảnh đó, Phần Lan buộc phải theo đuổi tư duy địa chính trị thận trọng, lấy cân bằng và tự kiểm chế làm nguyên tắc cốt lõi để duy trì chủ quyền và tránh đối đầu trực tiếp với Liên Xô.

Bối cảnh trước chiến tranh Lạnh

Phần Lan bước vào chiến tranh Lạnh với hậu quả từ ba cuộc chiến với Liên Xô trong giai đoạn 1939-1944, cùng sự cảnh giác sâu sắc về cam kết của các cường quốc. Cuối năm 1939 khi bị Liên Xô tấn công, Phần Lan chủ động cầu viện Anh và Pháp. Mặc dù hai nước này cam kết

² René Nyberg, “Securing Borders After a Breach of Confidence: Russian - Finnish Relations,” *Carnegie Endowment for International Peace*, 5/9/2024, <https://carnegie-endowment.org/russia-eurasia/politika/2024/09/russia-finland-border-security?lang=en>.

hỗ trợ thông qua Na Uy và Thụy Điển để tiếp tế cho Phần Lan,³ họ cuối cùng không thực hiện vì lo ngại về mặt trận mới với Đức Quốc xã. Do đó, Phần Lan phải đơn độc chống chọi với Liên Xô trong tình trạng thiếu hụt nghiêm trọng về nguồn lực và viện trợ quốc tế.

Dù kháng cự kiên cường và gây ra nhiều tổn thất cho Liên Xô, Phần Lan không nhận được hỗ trợ đáng kể nào từ bên ngoài và buộc phải ký Hiệp ước Hòa bình Mátxcova tháng 3/1940 để kết thúc Chiến tranh Mùa Đông. Theo Hiệp ước, Phần Lan phải nhượng khoảng 11% lãnh thổ quốc gia cho Liên Xô, bao gồm các vùng đất có vị trí chiến lược như Karelia và Vyborg.⁴ Tiếp đó, Chiến tranh Tiếp diễn (1941-1944) kết thúc với Thỏa thuận đình chiến Mátxcova với nhiều điều khoản bất lợi cho Phần Lan.⁵ Cuộc chiến tranh đã khiến cho 100.000 người thương vong, tương đương với 2,5% dân số Phần Lan lúc đó (khoảng 3,7 triệu người) và 5% tổng số nam giới của cả nước.⁶ Dù giữ được thể chế chính trị độc lập, Phần Lan rơi vào tình trạng bị cô lập tạm thời, thiếu vắng sự hậu thuẫn từ các liên minh quân sự và không đủ tiềm lực để đương đầu trực tiếp với bất kỳ sức ép nào từ phía Liên Xô.

Trong khi đó, hệ thống quốc tế sau năm 1945 dần định hình theo trật tự lưỡng cực với Mỹ và Liên Xô là hai siêu cường. Liên Xô tăng cường ảnh hưởng tại Đông Âu, thành lập các chính phủ thân Liên Xô tại Ba Lan, Hung-ga-ri, Tiệp Khắc và Ru-ma-ni. Ba quốc gia vùng Ban-tích

³ “A Short History Of The ‘Winter War’,” *Imperial War Museums*, accessed 26/5/2025, <https://www.iwm.org.uk/history/a-short-history-of-the-winter-war>.

⁴ Sarvimäki, Matti, Roope Uusitalo, and Markus Jäntti, “Long-Term Effects of Forced Migration,” *SSRN Electronic Journal*, 2009.

⁵ Lucie Zimmermanová, Zdeněk Kříž, and Eva Doleželová, “Thinking of Russia: Finnish Neutrality after the Cold War and the Influence of Russian Neighborhood on Finnish Cooperation with NATO,” *Central European Journal of International & Security Studies* 14, no. 1 (2020).

⁶ Jared M. Diamond, *Upheaval: Turning Points for Nations in Crisis*, (New York: Back Bay Books, Little Brown And Company, 2019).

là E-xtô-ni-a, Lát-vi-a và Lít-va sáp nhập năm 1940. Khu vực địa lý xung quanh Phần Lan gần như đã bị “Liên Xô hóa”.⁷ Trong khi đó, Mỹ xây dựng mạng lưới liên minh quân sự trong đó có NATO năm 1949, đồng thời triển khai Kế hoạch Marshall nhằm phục hồi Tây Âu và ngăn chặn ảnh hưởng của chủ nghĩa cộng sản.⁸ Nhìn chung, hoàn cảnh trong nước, mối quan hệ với Liên Xô trong lịch sử, và cục diện quốc tế trước chiến tranh Lạnh buộc Phần Lan phải tính toán chiến lược sinh tồn mới, tìm cách “sống chung” với mối đe dọa hiện hữu khi không thể tìm được chỗ dựa an ninh khả tín, vững chắc.

Nhận diện mối đe dọa an ninh đối với Phần Lan trước và trong chiến tranh Lạnh

Chính sách đối ngoại của Phần Lan được hình thành dựa trên nhìn nhận về các mối đe dọa an ninh đa tầng, trọng tâm là áp lực thường trực và toàn diện từ Liên Xô. Thủ tướng Paasikivi đã nhận định: “Nếu cúi đầu về phía Tây thì tất yếu phải quay lưng về phía Đông và ngược lại,”⁹ thể hiện nhận thức rõ về thế lưỡng nan an ninh mà nước này phải đối mặt.

Về mối đe dọa an ninh, quân sự, sau ba cuộc chiến với Liên Xô, Phần Lan luôn nhận thức rõ mối nguy hiểm quân sự thường trực đến từ siêu cường này. Dù đã phải nhượng bộ lãnh thổ như trong Hiệp ước Hòa bình Mátxcova (1940) và Thỏa thuận đình chiến Mátxcova (1944), Phần Lan vẫn không thể hoàn toàn yên tâm về khả năng duy trì một nền hòa

binh bền vững.¹⁰ Các hiệp ước hậu chiến, bao gồm Hiệp ước hòa bình Pa-ri (1947) và Hiệp ước Hữu nghị, hợp tác và tương trợ (FCMA, 1948), áp đặt các hạn chế nghiêm ngặt lên năng lực quân sự của Phần Lan.

Theo Hiệp ước Pa-ri, Phần Lan chỉ được duy trì một lực lượng vũ trang với tổng quân số không quá 34.400 người.¹¹ Nước này bị cấm sở hữu các loại vũ khí chiến lược như tàu ngầm, tàu phóng lôi, máy bay ném bom hạng nặng, tên lửa dẫn đường và vũ khí hạt nhân.¹² Trong khi đó, Hiệp ước FCMA quy định Phần Lan không được tham gia bất kỳ liên minh quân sự nào và chỉ được nhận hỗ trợ quân sự từ Liên Xô.¹³ Những ràng buộc này khiến Phần Lan khó có thể phát triển lực lượng tấn công, buộc phải duy trì mô hình phòng thủ tối thiểu, mang tính tự vệ thuần túy sau chiến tranh.

Ngược lại, Liên Xô duy trì một lực lượng quân sự áp đảo và bố trí dày đặc tại khu vực giáp biên giới Phần Lan dưới sự quản lý của Quân khu Leningrad (LenMD), đặc biệt ở khu vực Karelia và vùng ven Leningrad vốn đã thuộc phạm vi kiểm soát lực lượng quân sự Liên Xô từ sau năm 1940. Đến năm 1990, toàn Quân khu Leningrad có khoảng 60.000 lính cùng 822 xe tăng, 2.000 xe thiết giáp, 1.100 hệ thống pháo và 100 trực thăng.¹⁴ Ngoài ra, theo Thỏa thuận Mátxcova năm 1944, Phần Lan buộc phải cho Liên Xô thuê khu vực Porkkala, cách thủ đô Helsinki khoảng 30km về phía tây, trong 50 năm để thiết lập căn cứ hải

⁷ Norman Naimark, “The Sovietization of East Central Europe 1945-1989,” *The Cambridge History of Communism*, Volume 2: The Socialist Camp and World Power 1941-1960s, (Cambridge: Cambridge University Press, 2017): 63-86.

⁸ Jussi Hanhimäki, Odd Arne Westad, “The Marshall Plan and NATO,” *The Cold War: A History in Documents and Eyewitness Accounts*, (Oxford: Oxford University Press, 2003).

⁹ Jalonen, Olli-pekka, Unto Vesa. “Something Old, Something New, Something Borrowed, Something Blue.” *Cooperation and Conflict* 27, no. 4 (12/1992): 377-95.

¹⁰ Todd S. Sechser, “Goliath’s Curse: Coercive Threats and Asymmetric Power,” *International Organization* 64, no. 4 (2010): 627-60.

¹¹ The Treaty of Peace, *Heninen*, 26/5/2025, https://heninen.net/sopimus/1947_e.htm.

¹² Như trên.

¹³ “The Agreement of Friendship, Coöperation, and Mutual Assistance,” *Heninen*, accessed 26/5/2025, https://heninen.net/sopimus/1948_e.htm.

¹⁴ Juha Kukkola, “The Leningrad Military District: The Past and Future of the Northwestern Direction,” *Finnish National Defence University*, 29/10/2024.

quân.¹⁵ Chênh lệch rõ rệt về sức mạnh và sự hiện diện quân sự sát cạnh biên giới khiến Phần Lan luôn trong trạng thái cảnh giác cao độ và thận trọng trong mọi chính sách an ninh và quốc phòng.

Về khía cạnh chính trị, Phần Lan đối mặt với áp lực chính trị thường xuyên từ Liên Xô trước và trong chiến tranh Lạnh. Hiệp ước FCMA đã thể chế hóa ảnh hưởng sâu sắc của Liên Xô đối với chính sách đối ngoại của Phần Lan. Năm 1958, Phần Lan thành lập chính phủ liên minh do Thủ tướng Karl August Fagerholm lãnh đạo, trong đó có một số thành viên bị xem là chống Liên Xô.¹⁶ Liên Xô phản ứng bằng cách triệu hồi đại sứ và đình chỉ tín dụng cũng như các hợp đồng thương mại với Phần Lan khiến chính phủ liên minh do Fagerholm lãnh đạo phải nhanh chóng điều chỉnh.¹⁷ Từ đó có thể thấy, Phần Lan trong thời kỳ chiến tranh Lạnh luôn chịu áp lực phải cân bằng giữa độc lập, tự chủ của quốc gia và giải tỏa sức ép, can dự chính trị từ cường quốc láng giềng.

Bên cạnh đó, áp lực kinh tế mà Phần Lan phải đối mặt bao gồm nghĩa vụ bồi thường chiến tranh, thiệt hại về cơ sở hạ tầng, thiếu hụt nguồn lực sản xuất và yêu cầu cân bằng giữa xu hướng hội nhập với thị trường Tây Âu và nhu cầu gắn kết với Liên Xô. Theo hiệp định đình chiến, việc Phần Lan phải trả khoản bồi thường chiến tranh trị giá 300 triệu đô-la cho Liên Xô (tương đương hơn 5 tỷ đô-la hiện tại) càng làm trầm trọng thêm khó khăn kinh tế thời hậu chiến.¹⁸ Trong giai đoạn 1953-1954, số lượng thất nghiệp của Phần Lan là khoảng 70.000 người trong mùa đông, phản ánh rõ nét những hạn chế về nguồn lực và công ăn việc

¹⁵ Marin Jašić, “Finland’s Cold War Neutrality: A Soviet Perspective,” *Polemos* 27, no. 53 (2024): 95-112.

¹⁶ “History of Finland - Early Finnish independence,” *Britannica*, accessed 26/5/2025, <https://www.britannica.com/topic/history-of-finland/early-finnish-independence>.

¹⁷ Như trên.

¹⁸ Sarvimäki, Matti, Roope Uusitalo, Markus Jäntti, “Long-Term Effects of Forced Migration,” *SSRN Electronic Journal* 4003 (2009).

làm.¹⁹ Trong khi đó, Liên Xô tạo sức ép, ngăn chặn các quốc gia “lân cận” tham gia các cơ chế kinh tế phương Tây. Do đó, chính phủ Phần Lan theo đuổi lập trường thận trọng không tham gia Kế hoạch Marshall²⁰ hay giữ khoảng cách với Tổ chức Hợp tác kinh tế châu Âu (OECE).²¹

Trong lĩnh vực thông tin, văn hóa và tư tưởng, Phần Lan thời hậu chiến phải đối mặt với ảnh hưởng của cả hai hệ tư tưởng đối lập giữa Liên Xô và phương Tây. Từ năm 1944 đến 1946, Liên Xô đã yêu cầu chính phủ Phần Lan loại bỏ hơn 1.700 đầu sách tại thư viện công cộng vì bị xem là chống Liên Xô.²² Dù có tư tưởng “đồng điệu” hơn với phương Tây, báo chí và giáo dục Phần Lan đứng trước yêu cầu tự kiểm duyệt, phải mô tả Liên Xô như một lực lượng hòa bình, còn NATO bị gắn với hình ảnh hiếu chiến.²³ Chương trình Fulbright của Mỹ được Phần Lan tham gia từ năm 1952, đã tạo điều kiện cho sinh viên Phần Lan tiếp cận với hệ thống giáo dục và tư tưởng dân chủ.²⁴ Mặc dù vẫn có thể tiếp cận truyền thông phương Tây qua các kênh khác nhau, chính phủ Phần Lan chịu sức ép phải hạn chế ảnh hưởng của các luồng thông tin này trong việc định hình nhận thức công chúng, tránh tạo ra dư luận phê phán Liên Xô, ảnh hưởng đến quan hệ chung với cường quốc láng giềng.

Nhìn chung, bối cảnh lịch sử, mối đe dọa toàn diện từ Liên Xô là các yếu tố định hình xuyên suốt chính sách đối ngoại của Phần Lan trong

¹⁹ Như trên.

²⁰ Majander Mikko, “Reprinted from the Limits of Sovereignty, Finland and the Question of the Marshall Plan in 1947 by Mikko Majander From,” *Julkaisu: Scandinavian Journal of History* 19, no. 4 (1994): 306-26.

²¹ Peter Carroll, “Finland’s Cautious Path to OECD Membership,” *OECD Observer*, 29/1/2020.

²² Kai Ekholm, “Political Censorship in Finnish Libraries from 1944 to 1946,” *Libraries & Culture* 36, no. 1 (2001): 51-57.

²³ Klaus Törnudd, “Finnish Neutrality Policy During the Cold War,” *The SAIS Review of International Affairs* 25, no. 2 (2005): 43-52.

²⁴ “History Unlike Any Other,” *Fulbright Finland Foundation*, Accessed 26/5/2025, <https://www.fulbright.fi/about-us/history-unlike-any-other>.

thời kỳ chiến tranh Lạnh. Trong điều kiện bị ràng buộc bởi các hiệp ước hậu chiến, sức ép quân sự sát biên giới, can thiệp chính trị nội bộ, phụ thuộc kinh tế và kiểm soát thông tin từ Liên Xô, Phần Lan lựa chọn con đường trung lập và duy trì cân bằng khéo léo giữa hai khối để bảo vệ chủ quyền và ổn định an ninh.

Quá trình định hình và triển khai chính sách trung lập thực dụng của Phần Lan

Từ việc nhận thức rõ mối đe dọa trực tiếp từ phía Liên Xô và sự bấp bênh của các mối quan hệ liên minh, Phần Lan từng bước hình thành đường lối trung lập một cách thực dụng, nghĩa là một mặt tuyên bố không chọn bất cứ bên nào giữa hai khối Đông và Tây kinh địch nhau nhưng mặt khác, dành ưu tiên giữ gìn quan hệ hữu hảo với Liên Xô. Chính sách trung lập nhằm tránh rơi vào vòng xoáy cạnh tranh địa chính trị xung quanh “bức màn sắt” nhưng quan trọng hơn là yếu tố “thực dụng” nhằm hóa giải mối đe dọa hiện hữu và trực tiếp từ phía Liên Xô. Sống bên cạnh một cường quốc lớn và tham vọng, Phần Lan phải chấp nhận hạn chế xu hướng “thân phương Tây”, thể hiện sự “tôn trọng” đối với Liên Xô để tránh xung đột, chiến tranh.

Quá trình hình thành chính sách trung lập thực dụng

Chính sách trung lập không phải là lựa chọn ưu tiên của Phần Lan trong giai đoạn trước chiến tranh Lạnh. Trong hai cuộc chiến tranh thế giới, Phần Lan từng tích cực tìm kiếm đồng minh và sự hỗ trợ quân sự từ Đức và Anh, nhưng thực tế cho thấy những cam kết này đều không bền vững. Chính những trải nghiệm đau thương từ ba cuộc chiến tranh với Liên Xô (1939-1945) đã khẳng định cho giới lãnh đạo Phần Lan một bài học quan trọng rằng, an ninh quốc gia không thể dựa hoàn toàn vào cam

kết bên ngoài, mà phải chủ động xây dựng và duy trì mối quan hệ ổn định với Liên Xô.

Tổng thống Juho K. Paasikivi (1946-1956) và người kế nhiệm là Tổng thống Urho Kekkonen (1956-1982) đã đặt nền móng cho học thuyết Paasikivi-Kekkonen. Tổng thống Paasikivi nhận thức rằng các nước Ban-tích và Phần Lan có ý nghĩa địa chiến lược với Liên Xô nhằm bảo vệ Leningrad. Ông nhận định Liên Xô không thể đánh đổi an ninh của thành phố chiến lược Leningrad và do vậy, Phần Lan cần đáp ứng các quan ngại an ninh đó để duy trì độc lập và tránh bị chiếm đóng.²⁵ Paasikivi cũng nghi ngờ cam kết liên minh của các cường quốc, khẳng định Phần Lan chỉ có thể dựa vào tự thân và do đó cần ưu tiên tránh đối đầu với cường quốc láng giềng.²⁶ Hiệp ước FCMA năm 1948 là minh chứng rõ nét cho tư duy về trung lập thực dụng mặc dù không trực tiếp đề cập đến thuật ngữ “trung lập”. Trong lời nói đầu, hiệp ước ghi nhận “nguyện vọng của Phần Lan muốn đứng ngoài các xung đột lợi ích giữa các cường quốc”²⁷ và Phần Lan cam kết không cho phép lãnh thổ nước này bị sử dụng để đe dọa an ninh của Liên Xô, hạn chế hợp tác quốc phòng với bên thứ ba. Đây được xem là tiền đề quan trọng cho việc xây dựng chính sách trung lập mà sau đó được xác định rõ ràng hơn trong các tuyên bố chính sách của Phần Lan.

Thời kỳ sau đó, Tổng thống Kekkonen tiếp tục mở rộng và “quốc tế hóa” chính sách trung lập bằng việc gia tăng vai trò chủ động trong cấu trúc an ninh châu Âu. Chính sách trung lập của Phần Lan trong thời kỳ giữa và cuối chiến tranh Lạnh không chỉ đơn thuần là một trạng thái không liên kết, mà là tích cực can dự để duy trì thế cân bằng giữa hòa

²⁵ Allan A. Kuusisto, “The Paasikivi Line in Finland’s Foreign Policy,” *The Western Political Quarterly* 12, no. 1 (1959): 37-49.

²⁶ Như trên.

²⁷ “The Agreement of Friendship, Coöperation, and Mutual Assistance,” *Heninen*, accessed 26/5/2025, https://heninen.net/sopimus/1948_e.htm.

hoãn với Liên Xô và gia tăng hợp tác, hội nhập, chủ động đóng vai trò điều phối, trung gian và kiến tạo lòng tin giữa các cực quyền lực Tây - Đông.²⁸ Bằng cách đăng cai Hội nghị An ninh và hợp tác châu Âu (CSCE) năm 1975 và thúc đẩy ký kết Định ước Helsinki, Phần Lan trở thành biểu tượng của đối thoại và hòa giải Đông - Tây.²⁹

Triển khai chính sách trung lập thực dụng

Về chính trị đối nội, chính sách trung lập giúp Phần Lan duy trì hệ thống dân chủ nghị viện và cơ chế kinh tế thị trường trong suốt thời kỳ chiến tranh Lạnh, trong cả khi nhiều quốc gia ở khu vực Đông Âu (như Tiệp Khắc, Hung-ga-ri, Ru-ma-ni) chịu ảnh hưởng ít nhiều từ mô hình của Liên Xô, áp dụng hệ thống chính trị đơn đảng và kinh tế kế hoạch hóa tập trung.³⁰ Tuy nhiên, hệ thống này chấp nhận những linh hoạt nhất định để thích ứng với quan ngại chính trị từ Liên Xô mà không mất đi sự độc lập chính trị. Ví dụ, chính phủ Phần Lan cho phép Đảng Cộng sản (SKP) không chỉ hoạt động hợp pháp mà còn tham chính thông qua Liên minh Dân chủ nhân dân Phần Lan (SKDL), nhằm vừa duy trì ổn định nội bộ, vừa thể hiện hòa khí với Liên Xô.³¹ Tuy tham gia chính phủ, SKP không giữ các vị trí lãnh đạo chủ chốt. Liên minh giữa SKDL và SKP là

²⁸ Risto E. J. Penttilä, "Finland's Security in a Changing Europe: A Historical Perspective," *Finnish Defence Studies*, (1994).

²⁹ "Helsinki Final Act," *Organization for Security and Co-operation in Europe*, 1/8/1975, <https://www.osce.org/helsinki-final-act>.

³⁰ Jussi Pakkasvirta, Hanna Tuominen, "From Cold War 'Neutrality' to the West: Finland's Route to the European Union and NATO," *E-International Relations*, 12/7/2024, <https://www.e-ir.info/2024/07/12/from-cold-war-neutrality-to-the-west-finlands-route-to-the-european-union-and-nato/>.

³¹ Roel van der Veen, *Frozen Friendship: The search for a political friendship between Urho Kaleva Kekkonen and Nikita Sergeevich Khrushchev*, (Leiden University Student Repository, 2022).

công cụ chính trị có tính toán để thể hiện tôn trọng đối với thể chế chính trị của Liên Xô và không đánh đổi thể chế dân chủ.³²

Do giành được sự tin tưởng từ giới lãnh đạo Liên Xô, các lãnh đạo Phần Lan đã duy trì sự ổn định chính trị bằng cách kéo dài nhiệm kỳ tổng thống vượt thông lệ của một nền dân chủ nghị viện thông thường. Tổng thống Paasikivi nắm quyền suốt 10 năm cho đến khi qua đời ở tuổi 86. Người kế nhiệm của ông, Urho Kekkonen, tại vị suốt 25 năm (1956-1981), cho đến khi sức khỏe suy yếu buộc ông từ chức ở tuổi 81.³³ Sự ổn định trong lãnh đạo cấp cao này được coi là công cụ quan trọng để duy trì lòng tin từ Mátxcova. Tuy nhiên, cần nhấn mạnh rằng việc kéo dài nhiệm kỳ lãnh đạo chủ yếu phản ảnh năng lực quản lý đất nước và khả năng thiết lập quan hệ tin cậy của hai nhà lãnh đạo Phần Lan cũng như tín nhiệm của người dân, qua đó góp phần củng cố ổn định chính trị trong nước và dung hòa quan hệ đối ngoại.

Minh chứng điển hình là vào năm 1973, khi Phần Lan đang đàm phán gia nhập Cộng đồng Kinh tế châu Âu (EEC), một động thái có thể làm Liên Xô cảnh giác, Tổng thống Kekkonen đã trực tiếp gặp Tổng bí thư Brezhnev để cam kết rằng quan hệ Phần Lan - Liên Xô sẽ không bị ảnh hưởng.³⁴ Phần Lan đã ban hành Luật Ngoại lệ (poikkeuslaki), tạm thời đình chỉ hiến pháp, cho phép Quốc hội kéo dài nhiệm kỳ của Tổng thống Kekkonen thêm bốn năm và hoãn tổ chức bầu cử vào năm 1974.³⁵ Điều này thể hiện rõ mức độ sẵn sàng điều chỉnh chính trị trong nước để bảo vệ mối quan hệ chiến lược với Liên Xô.

³² Như trên.

³³ Allan A. Kuusisto, "The Paasikivi Line in Finland's Foreign Policy," *The Western Political Quarterly* 12, no. 1 (1959): 37-49.

³⁴ Michael Skully, "Finland and the EEC: A historical economic outline of their trade relations," *Journal of Baltic Studies* 7, no. 3 (1976): 220-30.

³⁵ David Arter, "From Finlandisation and Post-Finlandisation to the End of Finlandisation? Finland's Road to a NATO Application," *European Security* 32, no. 2 (2022): 171-89.

Trên phương diện an ninh - quân sự, Phần Lan lựa chọn không gia nhập NATO suốt thời kỳ chiến tranh Lạnh mặc dù có nhiều điểm tương đồng về thể chế và giá trị với các quốc gia thành viên của khối. Đây là tính toán chiến lược để tránh khiêu khích Liên Xô. Tuy nhiên, điều này không đồng nghĩa với tự cô lập. Phần Lan vẫn duy trì các hình thức hợp tác không chính thức với NATO như tham gia hoạt động huấn luyện gìn giữ hòa bình và diễn tập quân sự cùng với NATO hoặc các thành viên thuộc NATO và chia sẻ thông tin an ninh ở cấp chuyên gia.³⁶ Chính sách trung lập chủ động của Phần Lan cũng được thể hiện cụ thể khi nước này chủ động đóng vai trò củng cố hòa bình, đăng cai Hội nghị An ninh và Hợp tác châu Âu (CSCE) năm 1975. Việc Helsinki trở thành trung tâm đối thoại Đông - Tây không chỉ là thắng lợi về mặt ngoại giao, mà còn là sự ghi nhận của quốc tế đối với mô hình trung lập đặc thù mà Phần Lan kiên trì theo đuổi suốt ba thập niên đầu chiến tranh Lạnh.

Cùng lúc đó, Phần Lan thiết lập quốc phòng toàn diện (total defence) mà sau đó được phát triển thành mô hình an ninh toàn diện (CSM). Công tác phối hợp liên ngành trong mô hình CSM của Phần Lan đã manh nha hình thành sau Nội chiến năm 1918, sau đó được thể chế hóa thông qua việc thành lập Hội đồng Quốc phòng năm 1924 nhằm huy động phối hợp giữa nhà nước, quân đội và các thành phần kinh tế - xã hội.³⁷ Chính sách này huy động toàn bộ nguồn lực từ quân đội, chính quyền, doanh nghiệp đến người dân nhằm đối phó với mọi hình thức xâm lược hay các mối đe dọa về an ninh, ngầm hiểu từ phía Liên Xô.³⁸ Các khóa đào tạo quốc phòng toàn dân ra đời từ thập niên 1960 nhằm

³⁶ Marjo Uutela, "Narrowing Finland's Cold War Neutrality Narrative," *Journal of Contemporary History* 60, no. 1 (2025): 64-79.

³⁷ Vesa Valtonen, Minna Branders, "Tracing the Finnish Comprehensive Security Model," *Nordic Societal Security: Convergence and Divergence*, (London: Routledge, 2020): 92-107.

³⁸ Risto E. J. Penttilä, "Finland's Security in a Changing Europe: A Historical Perspective," *Finnish Defence Studies* (1994).

nâng cao nhận thức và năng lực phòng thủ cho lãnh đạo các ngành trong cả khu vực công - tư - xã hội. Hệ thống thông tin liên lạc TETRA cũng được phát triển xuyên suốt thập niên 1980 nhằm đảm bảo khả năng thông tin khẩn cấp trong mọi tình huống.³⁹ Nhìn chung trong giai đoạn này, Phần Lan triển khai mô hình phòng thủ toàn diện và chuẩn bị năng lực quốc phòng cho toàn bộ xã hội, nhằm xây dựng một hệ thống phòng thủ linh hoạt và hiệu quả trước các mối đe dọa từ bên ngoài.

Trên bình diện kinh tế, Phần Lan ưu tiên thiết lập hệ thống thanh toán song phương (clearing system) với Liên Xô từ năm 1947,⁴⁰ trong đó số xuất khẩu và nhập khẩu được cân đối qua hệ thống thanh toán song phương mà không cần giao dịch quốc tế truyền thống. Hệ thống này giúp Phần Lan duy trì quan hệ thương mại ổn định với Liên Xô mà không cần sử dụng ngoại tệ khan hiếm thời kỳ hậu chiến. Đây là cơ chế song phương đặc biệt giữa hai nước, giúp Phần Lan duy trì trao đổi hàng hóa với Liên Xô trong bối cảnh "bức màn sắt" cắt đứt quan hệ thương mại Đông - Tây.⁴¹ Từ cơ chế này, Phần Lan đẩy mạnh xuất khẩu các ngành công nghiệp nặng như đóng tàu, luyện kim và cơ khí, giúp kim ngạch xuất khẩu sang Liên Xô chiếm khoảng 25% tổng xuất khẩu quốc gia vào đầu thập niên 1980. Đồng thời, nước này mở rộng hội nhập kinh tế thông qua các định chế phương Tây, giúp đa dạng hóa thị trường và giảm phụ thuộc vào Liên Xô như Hiệp hội Mậu dịch tự do châu Âu (EFTA) năm 1961,⁴² Hội đồng Bắc Âu (Nordic Council) và Liên hợp quốc cùng năm 1955. Vị thế trung gian đó giúp Phần Lan trở thành "cửa ngõ" để Liên

³⁹ Như trên.

⁴⁰ Saara Matala, "Negotiating bilateralism: the Finnish-Soviet clearing trade and payment system, 1952-1990," *Scandinavian Economic History Review* 70, no. 1 (2022).

⁴¹ Như trên.

⁴² Rinna Kullaa, "Non-Alignment and Its Origins in Cold War Europe : Yugoslavia, Finland and the Soviet Challenge," *International library of twentieth century history* 33, (2012). <https://lawcat.berkeley.edu/record/509723>.

Xô tiếp cận hàng hóa và công nghệ từ phương Tây, khiến việc giữ Phần Lan độc lập và trung lập trở thành lợi ích quan trọng của Liên Xô.⁴³

Trên bình diện ngoại giao, chính sách trung lập của Phần Lan là một chiến lược nhằm duy trì độc lập quốc gia trong môi trường quốc tế bị phân cực sâu sắc. Trong quan hệ song phương với Liên Xô, cả hai nhà lãnh đạo Phần Lan Paasikivi và Kekkonen đều hiểu rõ Liên Xô và người dân Liên Xô bấy giờ. Tổng thống Paasikivi từng trực tiếp đàm phán với Liên Xô trong các năm 1939, 1940 và 1944, và từng là đại sứ tại Mátxcova.⁴⁴ Tổng thống Paasikivi rút ra kết luận rằng động lực chính của Stalin trong quan hệ với Phần Lan không mang tính ý thức hệ, mà là chiến lược và địa chính trị, cụ thể là bài toán quân sự trong việc bảo vệ thành phố lớn thứ hai của Liên Xô - Leningrad trước nguy cơ bị tấn công từ phía Phần Lan hoặc qua Vịnh Phần Lan.⁴⁵ Chính quyền kế nhiệm là Tổng thống Kekkonen cũng thường tránh lên tiếng chỉ trích các hành vi can thiệp quân sự của Liên Xô tại Hung-ga-ri (1956), Tiệp Khắc (1968) và Áp-ga-ni-xtan (1979).⁴⁶

Trong đối ngoại đa phương, Phần Lan cũng ghi dấu với những diễn ngôn và chính sách mang sắc thái trung lập. Trong bài phát biểu tại Đại hội đồng năm 1961, Tổng thống Urho Kekkonen đã khẳng định: “Chúng tôi xem mình như những bác sĩ chứ không phải thẩm phán; không phải để phán xét hay lên án, mà là để chẩn đoán và cố gắng chữa trị.”⁴⁷ Phát

⁴³ Pekka Sutela, “Finnish trade with the USSR: Why was it different?,” Bank of Finland, no. 7 (2005), <https://publications.bof.fi/handle/10024/44998>.

⁴⁴ Jared M. Diamond, *Upheaval: Turning Points for Nations in Crisis* (New York: Back Bay Books, Little Brown And Company, 2019).

⁴⁵ Như trên.

⁴⁶ “The Changing Concept of Finland&Neutrality,” *Danube Institute*, 25/4/2022, <https://danubeinstitute.hu/en/research/the-changing-concept-of-finland-s-neutrality>.

⁴⁷ “Centennial Story of Finland Part 6: Navigation in Cold War Turbulence Requires Skill 1957-1967 - Finland Abroad: United States of America,” *Finland abroad: United States of America*, 2017, <https://finlandabroad.fi/web/usa/current-affairs/>-

biểu phản ánh quan điểm của Phần Lan về việc giữ vai trò trung gian hòa giải trong các vấn đề quốc tế, thay vì chọn bên.

Có thể thấy rằng chính sách trung lập của Phần Lan không chỉ là một trạng thái thụ động, mà là một chiến lược được duy trì bằng các điều chỉnh chủ động về chính trị, truyền thông, kinh tế, an ninh và ngoại giao, tất cả đều nhằm mục tiêu tối thượng là đảm bảo sự chung sống hòa bình với một cường quốc láng giềng có sức mạnh áp đảo.

Đánh giá chính sách và rút ra các bài học lịch sử

Về hiệu quả chính sách

Dù một số phê phán là “nhượng bộ mù quáng”,⁴⁸ chính sách trung lập của Phần Lan là một thành công có tính chiến lược của một quốc gia nhỏ trong trật tự lưỡng cực. Chính sách này góp phần tạo ra những kết quả cụ thể, gồm có: (i) Phần Lan là một trong các quốc gia láng giềng của Liên Xô nhưng không tham gia Khối Hiệp ước Warsaw, vẫn duy trì được hệ thống dân chủ nghị viện, kinh tế thị trường và bản sắc văn hóa phương Tây; (ii) Duy trì được môi trường hòa bình, giữ quan hệ hữu hảo với Liên Xô, tránh được chiến tranh, xung đột và các va chạm quân sự; (iii) Đảm bảo được các lợi ích quốc gia căn bản, mở rộng được quan hệ kinh tế và chính trị với phương Tây, trở thành “mắt xích” đặc biệt kết nối Đông - Tây; (iv) Phát huy được vị thế trung lập và triển khai thành công vai trò trung gian, hòa giải, thúc đẩy ký kết Định ước Helsinki để cải thiện quan hệ Đông - Tây.

⁴⁸ Antero Holmila, Pertti Ahonen, “The Good, the Bad and the Ugly: The Many Faces of Finlandization and Some Potential Lessons for Ukraine,” *Zeithistorische Forschungen (Studies in Contemporary History)*, no. 3 (2022): 560-577.

Tất nhiên, lựa chọn trung lập cũng có hạn chế: (i) chính sách này làm thu hẹp dư địa lựa chọn chính sách khi Phần Lan luôn phải tính toán đến phản ứng từ Liên Xô; (ii) khái niệm “trung lập” không được thể chế hóa rõ ràng theo luật pháp quốc tế hay trong nội luật mà chỉ dựa trên nền tảng Hiệp ước FCMA khiến cho tính chất và nội hàm áp dụng thường được diễn giải khác nhau, dễ bị Liên Xô khai thác để gây sức ép chính trị;⁴⁹ và (iii) do duy trì trung lập, Phần Lan thời chiến tranh Lạnh không tham gia NATO hay các cơ chế phòng thủ tập thể, buộc phải dành một phần nguồn lực tương đối cho quốc phòng. Tuy nhiên, tính tổng thể trong suốt thời kỳ chiến tranh Lạnh, chính sách trung lập thực dụng mang lại nhiều lợi ích hơn là hạn chế, quan trọng nhất là duy trì được môi trường hòa bình để tập trung phát triển kinh tế. Quan trọng hơn, Phần Lan không chỉ có được quan hệ ổn định và hiệu quả với Liên Xô, mà còn biến nó thành “lợi thế”, “cơ hội” để phát triển vươn lên trở thành một quốc gia có nền công nghiệp phát triển vững chắc, củng cố thể trận quốc phòng toàn dân và sức mạnh tổng thể quốc gia.

Về bài học lịch sử

Phần Lan là một mô hình cho chính sách của một quốc gia vừa và nhỏ, giáp ranh với một siêu cường trong môi trường quốc tế phân cực của chiến tranh Lạnh, có nhiều giá trị tham khảo với các quốc gia trên thế giới trong đó có Việt Nam. Thành công của chính sách “trung lập thực dụng” của Phần Lan bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân như sau.

Thứ nhất, mặc dù phải gánh chịu tổn thất nghiêm trọng trong các cuộc chiến với Liên Xô, Phần Lan nhìn nhận lịch sử đau thương là bài học và chấp nhận đánh đổi một số hạn chế về lựa chọn chính sách.⁵⁰

⁴⁹ Jyri Raitasalo, “Finnish Defense ‘Left of Bang’,” *Prism: A Journal of the Center for Complex Operations* 10, no. 2 (2023): 78-91.

⁵⁰ Jared M. Diamond, *Upheaval: Turning Points for Nations in Crisis*, (New York: Back Bay Books, Little Brown And Company, 2019).

Trong bối cảnh bị cô lập về chính trị, với đường biên giới kéo dài hơn 1.300 km và không thể trông đợi vào cam kết từ các nước phương Tây, giới hoạch định chính sách Phần Lan nhận thức rõ rằng an ninh quốc gia phụ thuộc trước hết vào năng lực tự chủ. Việc đánh giá lại những sai lầm tiền chiến đã dẫn đến kết luận: duy trì độc lập chính trị đòi hỏi phải xây dựng quan hệ tin cậy với Liên Xô, kể cả khi phải đánh đổi một phần chủ quyền kinh tế và hạn chế không gian biểu đạt trong nước.

Thứ hai, nhận diện đúng các tình thế, thách thức an ninh, hiểu sâu động cơ của các bên liên quan và xác định đúng ưu tiên. Phần Lan duy trì thành công thể trung lập trong thời kỳ chiến tranh Lạnh vì hiểu rõ mối quan ngại của Liên Xô, cụ thể là đảm bảo không để lãnh thổ Phần Lan trở thành mối đe dọa an ninh tới Leningrad. Sau tháng 9/1944, Phần Lan đã đảo ngược chính sách lâu dài trước đây là cố gắng phớt lờ và không đối phó với Liên Xô cũng như áp dụng một chính sách mới, gia tăng can dự kinh tế và đối thoại chính trị với Liên Xô. Dù Phần Lan không bị chiếm đóng, tự trị về chính trị với một nền dân chủ xã hội tự do, chính sách đó là sự lựa chọn khó khăn nhưng cần thiết. Phần Lan kiên trì theo đuổi chính sách đó bất chấp sự phê phán, mỉa mai từ bên ngoài với khái niệm “Phần Lan hóa”.

Thứ ba, kiên định các lợi ích cốt lõi nhưng linh hoạt trong những vấn đề hình thức. Lựa chọn trung lập hay trạng thái “Phần Lan hóa” đều là việc đánh đổi có tính toán. Các chính sách này không phải là mục tiêu mà là công cụ để phục vụ các lợi ích cốt lõi là bảo vệ chủ quyền, duy trì ổn định chính trị và tạo không gian phát triển quốc gia. Để gìn giữ môi trường láng giềng ổn định và xây dựng lòng tin chiến lược, Phần Lan chấp nhận một số hạn chế về lựa chọn chính sách và không gian diễn ngôn công khai, do đó, công tác ngoại giao được đặc biệt chú trọng. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng Phần Lan vẫn đảm bảo duy trì giao thương các lĩnh

vực ít nhạy cảm hơn với phương Tây như kinh tế và hợp tác khoa học kỹ thuật, kể cả trong lĩnh vực kỹ thuật quốc phòng.

Thứ tư, không lơ là quốc phòng và kiên trì mô hình an ninh toàn diện. Đây là cách tiếp cận ưu tiên phòng thủ hơn là tấn công. Thay vì phát triển năng lực răn đe tấn công, Phần Lan tập trung xây dựng khả năng chống chịu toàn xã hội. Mô hình này cho phép Phần Lan luôn trong thế phòng thủ và sẵn sàng trước các mối đe dọa bất ngờ, đồng thời không gây quan ngại cho các bên, nhất là với láng giềng lớn. Mô hình này chính thức triển khai qua Chiến lược An sinh xã hội năm 2003, 2006, 2010 và 2017.⁵¹ Song song với đó các sáng kiến nâng cao nhận thức tự phòng vệ cho người dân như chiến dịch “72 giờ” khuyến khích người dân tự chủ trong khủng hoảng hay các buổi “Security Cafés” đối thoại an ninh giữa chính quyền và người dân.⁵² Ngoài ra, bắt chấp bối cảnh hòa bình, nghĩa vụ quân sự là bắt buộc đối với nam giới và tự nguyện với nữ giới. Thời gian huấn luyện kéo dài đến một năm và rất khắc nghiệt vì Phần Lan mong đợi quân đội của mình thực sự có khả năng chiến đấu. Sau khi huấn luyện, nam nữ thanh niên đó trở thành quân dự bị đến độ tuổi 30 - 35 hoặc lớn hơn. Quân dự bị chiếm 15% dân số Phần Lan.

Kết luận

Mô hình trung lập thực dụng của Phần Lan trong thời kỳ chiến tranh Lạnh là một bài học có giá trị tham khảo cho các quốc gia nhỏ trong quan hệ ứng xử với nước láng giềng là một siêu cường. Chính sách

⁵¹ Vesa Valtonen, Minna Branders, “Tracing the Finnish Comprehensive Security Model,” *Nordic Societal Security: Convergence and Divergence*, (London: Routledge, 2020): 92-107.

⁵² Harri Raisio, Alisa Puustinen, and Jaakko Jäntti, “‘The Security Environment Has Always Been Complex!’: The Views of Finnish Military Officers on Complexity,” *Defence Studies* 20, no. 4 (2020): 390-411.

đôi ngoại đặc thù này của Phần Lan được hình thành dựa trên thực tiễn địa chính trị đặc biệt và những kinh nghiệm lịch sử đau thương mà chính quốc gia này từng trải qua. Sau ba cuộc chiến tranh liên tiếp với Liên Xô và sự thất vọng về những cam kết an ninh thiếu tin cậy từ bên ngoài, Phần Lan đã xây dựng một đường lối trung lập đầy thực dụng, ưu tiên ổn định và duy trì quan hệ hòa bình với Liên Xô, đồng thời từng bước mở rộng không gian chiến lược thông qua tăng cường hợp tác kinh tế và văn hóa với phương Tây.

Chính sách trung lập chủ động và thực dụng này không chỉ giúp Phần Lan bảo vệ thành công chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ và duy trì bản sắc chính trị, mà còn giữ vững môi trường hòa bình, ổn định và hợp tác với Liên Xô trong suốt giai đoạn căng thẳng của chiến tranh Lạnh. Chính nhờ sự cân bằng khéo léo đó cũng đã giúp Phần Lan nâng cao uy tín quốc tế, trở thành trung gian đối thoại đáng tin cậy giữa hai khối Đông và Tây. Cho đến nay, mô hình về chính sách trung lập của Phần Lan vẫn tiếp tục là một ví dụ điển hình có giá trị tham khảo sâu sắc đối với các quốc gia nhỏ trong việc tìm kiếm con đường phát triển hòa bình và ổn định cạnh các nước láng giềng siêu cường.

Tuy nhiên, những thành công trong quá khứ không bảo đảm sự duy trì lâu dài của chính sách này. Khi môi trường an ninh châu Âu thay đổi sâu sắc sau khủng hoảng Nga - U-crai-na năm 2022, tỷ lệ người dân Phần Lan ủng hộ gia nhập NATO tăng nhanh từ 50% (tháng 2/2022) lên 75% (tháng 5/2022). Cùng với lo ngại gia tăng về răn đe hạt nhân và hạn chế trong việc nhận viện trợ quân sự đối với các quốc gia ngoài liên minh, chính phủ Phần Lan chính thức từ bỏ chính sách trung lập. Việc Phần Lan đệ đơn gia nhập NATO vào tháng 5/2022 là bước ngoặt quan trọng, khép lại một di sản chính sách kéo dài bảy thập niên.⁵³ Tuy nhiên,

⁵³ Jussi Pakkasvirta, Hanna Tuominen, “From Cold War ‘Neutrality’ to the West”.

vẫn còn quá sớm để kiểm nghiệm liệu chính sách liên minh, đặc biệt là với NATO, có thể đem lại nền hòa bình vĩnh cửu cho Phần Lan./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Diamond, Jared. *Upheaval: Turning Points for Nations in Crisis*. First edition. New York: Back Bay Books, Little Brown And Company, 2019.
2. Jalonen, Olli-pekka, Unto Vesa. “Something Old, Something New, Something Borrowed, Something Blue.” *Cooperation and Conflict* 27, no. 4 (12/1992).
3. Jašić, Marin. “Finland’s Cold War Neutrality.” *Polemos* 27, no. 53 (12/2024).
4. Jensen-Eriksen, Niklas. “The Northern Front in Technological Cold War: Finland and the East-West Trade in the 1970s and 1980s.” *Journal of Cold War Studies* 21, no. 4 (2019).
5. Kullaa, Rinna. “Non-alignment and its origins in Cold War Europe: Yugoslavia, Finland and the Soviet challenge.” *International library of twentieth century history* 33. London, NY: I. B. Tauris, 2012.
6. Kuusisto, Allan A. “The Paasikivi Line in Finland’s Foreign Policy.” *The Western Political Quarterly* 12, no. 1 (1959).
7. Marjo, Uutela. “Narrowing Finland’s Cold War Neutrality Narrative.” *Journal of Contemporary History* 60, no. 1 (2025).
8. Matala, Saara. “Negotiating bilateralism: the Finnish-Soviet clearing trade and payment system, 1952-1990.” *Scandinavian Economic History Review* 70, no. 1 (2/1/2022).
9. Naimark, Norman. *The Sovietization of East Central Europe 1945–1989*. Cambridge: Cambridge University Press, 2017.
10. Nyberg, René. “Securing Borders After a Breach of Confidence: Russian-Finnish Relations.” *Carnegie Endowment for International Peace*, 5/9/2024. <https://carnegieendowment.org/russia-eurasia/politika/2024/09/russia-finland-border-security?lang=en>.
11. Penttilä, Risto E. J. *Finland’s Security in a Changing Europe: A Historical Perspective: Documentation*. National Defence College, 1994.
12. Salminen, Pertti. “Finland’s Comprehensive and Military Defence Doctrines Responding to Emerging Threats and New Technologies.” *OSCE*, 2011. <https://www.osce.org/fsc/78104>.
13. Törnudd, Klaus. “Finnish Neutrality Policy During the Cold War.” *The SAIS Review of International Affairs* 25, no. 2 (2005).
14. Tvedt, John. “Stabilizing an Economy: Finland.” *Finance & Development* 3, no. 002 (6/1966).
15. Valtonen, Vesa and Minna Branders. “Tracing the Finnish Comprehensive Security Model.” In *Nordic Societal Security*. London: Routledge, 2020.
16. Zimmermannová, Lucie, Zdeněk Kříž, and Eva Doleželová. “Thinking of Russia: Finnish Neutrality after the Cold War and the Influence of Russian Neighborhood on Finnish Cooperation with NATO.” *Central European Journal of International & Security Studies* 14, no. 1 (2020).